TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-12-2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;
2. Ông Trần Văn Tèo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn***:** Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

*Bị đơn***:** Anh Trần Văn D, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Chị T có mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-03-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn D chung sống từ năm 2012 và đăng ký kết hôn UBND xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015, thì vợ chồng không còn chung số do anh D đi theo công trình làm không về nhà đến ngày 13/4/2016 (âm lịch) anh D mới về nhà dự đám giỗ và sống cùng chị tại ấp Thuận Tâm, xã L chưa đầy một tháng thì đi luôn không về nhà cho đến nay. Kể từ ngày anh D đi cho đến nay vợ chồng không có liên lạc gì cả anh D cũng không về thăm con.

Kể từ khi anh D đi chị vẫn ở lại và sống chung nhà với ba mẹ chồng tại ấp Thuận Tâm, xã L đến ngày 28 tết âm lịch năm 2018, chị mới về nhà cha mẹ ruột tại Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh sống cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có hai con chung tên Trần Nguyễn Vĩnh K, sinh ngày25-11-2012 và Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 07-03-2014, khi ly thân 02 con chung sống với chị cùng ông ba nội của các cháu tại ấp Thuận Tâm, xã L cho đến nay. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và cháu K, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị khai không có.

Bị đơn là anh Trần Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Nều lần nhưng anh D vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; anh D đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh D; giao hai con chung tên Trần Nguyễn Vĩnh K và Trần Nguyễn Yến N cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, chị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết, anh D đã bỏ địa phương không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú do đó có cơ sở anh D cố tinh che giấu địa chỉ. Đồng thời anh D đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng anh D vắng mặt phiên tòa 02 lần không có lý do nên áp dụng điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS 2015 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã thực hiện đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/01/2013 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015, anh D đã đi làm xa, không quan tâm chăm sóc vợ con, đến khoản tháng 5 năm 2016 anh D thì có về nhà ăn đám giỗ tại ấp Thuận Tâm, xã L chưa đầy một tháng thì lại tiếp tục bỏ đi đâu không rõ cho đến nay. Mặt khác, anh D đã bỏ địa phương đi nhiều lần qua xác minh địa phương không rõ đi đâu nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú do đó có cơ sở anh D cố tình che giấu địa chỉ và Tòa án triệu tập hòa giải nhưng anh D không đến và thời gian ly thân dài cho thấy anh D không có thiện chí hàn gắn. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh D có hai con chung tên Trần Nguyễn Vĩnh K, sinh ngày 25-11-2012 và Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 07-03-2014. Từ ngày ly thân cháu K và cháu N sống cùng chị T và ông bà nội của các cháu tại ấp Thuận Tâm, xã L cho đến nay. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cả cháu Nguyên và cháu Khoa. Do anh D đã bỏ địa phương đi đâu không rõ và trong quá trình đi anh D cũng đã không thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung trong khoảng thời gian dài, hai cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, do đó để đảm bảo về nhu cầu vật chất, tinh thần và quyền lợi của con chung nên giao cháu K và cháu N cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Văn D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 192; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Trần Văn D. Chị T được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Giao hai con chung Trần Nguyễn Vĩnh K, sinh ngày 25-11-2012 và Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 07-03-2014 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T trình bày không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021336 ngày 16-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Trần Văn D không phải chịu án phí.

6. Trường hợp bản án này, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Báo cho chị T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Mai